

Bản án số: 05 /2024/KDTM-PT  
Ngày 12 - 11 - 2024.  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn San.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Quốc Trường và Nguyễn Mạnh Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 05/2024/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 9 năm 2024, về việc kiện: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do bản án sơ thẩm số 07/2024/KDTM-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXPT-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần C (Viết tắt là V).

Trụ sở chính: Số A T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B; chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Huy H; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh H1 (Ủy quyền theo văn bản số 923/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 08/9/2023 của ông Trần Minh B - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần C), có mặt.

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Minh N; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh H1, có mặt.

\* **Bị đơn:** Công ty Cổ phần Đ.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Hải N1; Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số C, ngõ E, phố T, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội, có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Trần Như Q - Luật sư thuộc Công ty L, có mặt.

Địa chỉ: Số A, ngõ L, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: bị đơn Công ty cổ phần Đ1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quan điểm:

Công ty cổ phần Đ vay vốn tại Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh H1 từ năm 2015, tính đến ngày 09/8/2024 dư nợ của Công ty cổ phần Đ được quản lý theo Hợp đồng cho vay số 01/2019-HĐCVHM/NHCT384-DATHIEM ngày 17/7/2019; loại vay: Vay ngắn hạn; hạn mức cho vay: 30.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng chẵn); thời hạn cho vay: 06 tháng/GNN; lãi suất cho vay trong hạn: 4,5%/năm; lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn: 6,75%/năm; mục đích cho vay: Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, chi trả lương công nhân viên và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 17/7/2019 đến hết ngày 17/7/2020; số dư nợ gốc đã cho vay: 1.281.857,72 USD; số dư nợ gốc, lãi đã thu: 1.105.593,29 USD (trong đó gốc: 1.078.090,74 USD; lãi 27.502,55 USD); số gốc còn nợ lại đến ngày 09/8/2024: 203.766,98 USD; ngày chuyển nợ quá hạn: 09/02/2020.

- Tài sản bảo đảm tiền vay:

+ Toàn bộ nhà xưởng và các công trình phụ trợ trên diện tích 20.795 m<sup>2</sup> tại thôn L, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 411575, số vào sổ cấp GCN: CS01248 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 29/7/2015, chi tiết theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/HĐTC ngày 14/8/2015 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/HĐBĐ/NHCT384 ngày 24/02/2020.

+ Các máy móc thiết bị thuộc sở hữu của công ty cổ phần Đ tại thôn L, xã T, TP P, tỉnh Hà Nam bao gồm 01 máy lắng quặng, 01 máy phân loại, 01 máy tuyển, 01 máy nghiền bi, 01 xe nâng, 03 máy bơm ly tâm công suất lần lượt là 3W, 7.5W và 1.5W, 01 máy li tâm, 01 bộ lọc khí, 01 máy phân tích cỡ hạt nano, 01 máy nén khí, 03 lò nung và 01 nồi hơi nước. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2018/HĐBĐ/NHCT384 ngày 09/11/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp động sản số 03/2019/HĐBĐ/NHCT384 ngày 30/7/2019.

+ Các máy móc thiết bị thuộc sở hữu của công ty cổ phần Đ tại thôn L, xã T, TP P, tỉnh Hà Nam bao gồm 01 lò nung, 01 máy quang phổ phát xạ, 04 trạm biến áp, 01 bình trộn hóa chất, 04 bơm ly tâm, 01 bồn chứa, 03 bồn FRP, 03 hệ

thống lọc nước, 01 hệ thống máy lọc nước, 01 máy lắng quặng chân không, 01 hệ thống lọc nước + khí, 01 nồi hơi, 01 máy quang phổ phát xạ, 01 bình chứa axit, 01 thiết bị lọc nước công nghiệp, 01 máy li tâm, 01 bồn tháp rửa khí, 01 máy quang phổ phát xạ ICP, 01 xe ô tô 16 chỗ biển kiểm soát 90B-001.50. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2016/HĐTC ngày 01/6/2016 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp động sản số 02/2019/HĐBĐ/NHCT384 ngày 30/7/2019.

Như vậy, tổng dư nợ gốc, lãi tính đến ngày 09/8/2024 như sau: Nợ gốc: 203.766,98 USD; nợ lãi trong hạn: 144.181,59 USD; lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 69.330,83 USD. Tổng cộng: 417.279,40 USD. Căn cứ vào tỷ giá quy đổi ra VNĐ ngày 8/8/2024 (1 USD = 25.331đ) thì nợ gốc 5.161.621.370đ; nợ lãi trong hạn 3.652.263.747đ; lãi trên dư nợ gốc quá hạn 1.756.219.255đ. Tổng cộng: 10.570.104.372đ (Mười tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, một trăm linh tư nghìn, ba trăm bảy mươi hai đồng).

Nay Ngân hàng TMCP C đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty cổ phần Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP C toàn bộ số nợ gốc, số tiền lãi trong hạn, số tiền lãi phạt quá hạn, phí và các chi phí khác liên quan theo Hợp đồng cho vay số 01/2019-HĐCVHM/NHCT384-DATHIEM ngày 17/07/2019 tính đến ngày 09/8/2024 là 10.570.104.372đ (Mười tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, một trăm linh tư nghìn, ba trăm bảy mươi hai đồng).

- Yêu cầu Công ty cổ phần Đ phải tiếp tục trả lãi cho V theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ sau khi xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp Công ty cổ phần Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay số 01/2019-HĐCVHM/NHCT384-DATHIEM ngày 17/7/2019 thì Ngân hàng TMCP C có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm được liệt kê ở trên để thu hồi nợ cho V.

\* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn T trình bày: Ông T xác định Công ty cổ phần Đ có vay V theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT384-DATHIEM ngày 17/7/2019. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Tuy nhiên, kể từ thời điểm vay cho đến trước thời điểm 09/02/2020, Công ty luôn thanh toán đúng hạn tiền gốc, lãi. Đến 09/02/2020 khoản nợ của Công ty bị chuyển nợ quá hạn, trong suốt thời kỳ diễn ra dịch Covid 19 và sau đó việc kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn. Việc bị đơn vi phạm hợp đồng, thanh toán chậm tiền gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn một phần là do điều kiện, hoàn cảnh khách quan mang lại. Nay bị đơn đề nghị xem xét miễn lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn đối với khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT384-DATHIEM ngày 17/7/2019 để bị đơn có thể khôi phục lại hoạt động sản xuất kinh doanh.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần Đ trình bày:

Công ty Cổ phần Đ công nhận giữa Ngân hàng C và Công ty Đ có ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT384-DATHIEM với hạn mức tiền vay là 30.000.000.000đ. Mục đích để trả tiền mua nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, chi trả lương công nhân viên và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay là 06 tháng; thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 17/7/2019 đến hết ngày 17/7/2020. Nay V rút 08 tài sản trong tổng số tài sản bảo đảm cho việc vay vốn của Công ty cổ phần Đ là không đảm bảo tính khách quan của hồ sơ vụ án và không phù hợp quy định pháp luật. Mặt khác toàn bộ khoản vay trên là của ban lãnh đạo cũ trong đó đại diện cho công ty H2 đang bị tạm giam và toàn bộ giấy tờ tài liệu của công ty đang bị công an thu giữ, ban lãnh đạo mới không nắm được hồ sơ vay vốn và cũng không có tài liệu chứng cứ gì về việc vay vốn, chưa có căn cứ xác định gốc, lãi mà bị đơn vay. Do vậy, đề nghị Tòa án căn cứ điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án với lý do chờ kết quả xác minh làm rõ tài sản bảo đảm hồ sơ cho vay vốn theo Hợp đồng số 01/2019/HĐCVHM/NHCT384-DATHIEM ngày 17/7/2019 của các bên có liên quan.

Quá trình xem xét, kiểm kê tài sản bảo đảm tiền vay có một số tài sản bị thiếu không kiểm kê được và một số tài sản không xác định được tại thời điểm kiểm kê. Do vậy, Ngân hàng C xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Rút nội dung V được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm bao gồm: 01 máy quang phổ phát xạ; 01 trạm biến áp; 01 máy li tâm (theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/HĐTC ngày 01/6/2016 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp động sản số 02/2019/HĐBĐ/NHCT384 ngày 30/07/2019) và 01 máy phân loại; 01 máy lắng quặng; 01 máy tuyển; 01 bộ lọc khí; 01 nồi hơi nước (theo hợp đồng thế chấp số 01/2018/HĐBĐ/NHCT384 ngày 09/11/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp động sản số 03/2019/HĐBĐ/NHCT384 ngày 30/7/2019).

Bản án sơ thẩm số 07/2024/KDTM-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 144, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 117, 274, 275, 280, 292, 293, 295, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 357, 463, 466, 468, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 3 Điều 4 của Luật thương mại.

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của V đối với quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm bao gồm: 01 máy quang phổ phát xạ; 01 trạm biến áp; 01 máy li tâm (theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/HĐTC ngày 01/6/2016 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp động sản số 02/2019/HĐBĐ/NHCT384 ngày 30/7/2019); 01 máy tuyền; 01 bộ lọc khí; 01 nồi hơi nước; 01 máy lắng quặng; 01 máy phân loại (theo hợp đồng thế chấp số 01/2018/HĐBĐ/NHCT384 ngày 09/11/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp động sản số 03/2019/HĐBĐ/NHCT384 ngày 30/7/2019).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của V về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc Công ty cổ phần Đ có nghĩa vụ trả nợ cho V số tiền tính đến ngày 09/8/2024 là: Nợ gốc: 203.766,98 USD = 5.161.621.370đ; nợ lãi trong hạn: 144.181,59 USD = 3.652.263.747đ; lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 69.330,83 USD = 1.756.219.255đ. Tổng cộng: 417.279,40 USD = 10.570.104.372đ (Mười tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, một trăm linh tư nghìn, ba trăm bảy mươi hai đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT384-DATHIEM ngày 17/07/2019 và các giấy nhận nợ được ký giữa V và Công ty cổ phần Đ.

- Trường hợp Công ty cổ phần Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho V, V có quyền: Yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là:

Về bất động sản: Toàn bộ nhà xưởng và các công trình phụ trợ trên diện tích 20.795 m<sup>2</sup> tại thôn L, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA411575, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS01248 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 29/7/2015 cho chủ sử dụng đất là Công ty cổ phần Đ, trên đất có các công trình xây dựng đã được chứng nhận quyền sở hữu gồm: Nhà điều hành; Nhà ăn tập thể + Phòng thí nghiệm; Nhà kho; 02 Xưởng kết tinh sản phẩm; Lò nung - sấy sản phẩm; Xưởng hòa tan; Xưởng tinh chế 1; Xưởng tinh chế B1; Xưởng tinh chế C1; Nhà cơ khí + kho. Các công trình phụ trợ gồm: Nhà bảo vệ; Lán xe; Hệ thống sân đường nội bộ; hệ thống tường rào.

Về động sản: Các máy móc thiết bị gồm:

+ 01 máy nghiền bi, 01 xe nâng, 03 máy bơm li tâm công suất lần lượt là 3W, 7.5W và 1.5W, 01 máy li tâm, 01 máy phân tích cỡ hạt nano, 01 máy nén khí, 03 lò nung (Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp động sản số

01/2018/HĐBĐ/NHCT384 ngày 09/11/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp động sản số 03/2019/HĐBĐ/NHCT384 ngày 30/7/2019).

+ 01 lò nung, 01 máy quang phổ phát xạ, 03 trạm biến áp, 01 bình trộn hóa chất, 04 bơm ly tâm, 01 bồn chứa, 03 bồn FRP, 03 hệ thống lọc nước, 01 hệ thống máy lọc nước, 01 máy lạnh quặng chân không, 01 hệ thống lọc nước + khí, 01 nồi hơi, 01 bình chứa axit, 01 thiết bị lọc nước công nghiệp, 01 bồn tháp rửa khí, 01 máy quang phổ phát xạ IPC, 01 xe ô tô 16 chỗ biển kiểm soát 90B-001.50 (Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2016/HĐTC ngày 01/06/2016 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp động sản số 02/2019/HĐBĐ/NHCT384 ngày 30/7/2019).

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 13/8/2024 đại diện bị đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm một cách toàn diện trên cơ sở đảm bảo tính khách quan, thấu tình, đạt lý, phù hợp quy định của pháp luật.

\* *Tại phiên tòa hôm nay*: Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2024/KDTM-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đại diện bị đơn trong thời hạn luật định và đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, nên được cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn thấy: Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 01/2019/HĐCVHM/NHCT384-DATHIEM ngày 17/7/2019, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh H1 với Công ty cổ phần Đ đã ký các

Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2016/HĐTC ngày 01/6/2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/HĐTC ngày 14/8/2015 và các văn bản bổ sung kèm theo, Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2018/HĐTC ngày 09/11/2018 và các văn bản bổ sung kèm theo. Các hợp đồng bảo đảm trên đều được ký tại Văn phòng công chứng H3 và được Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh H1 đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Như vậy ba hợp đồng thế chấp tài sản trên đều có hiệu lực pháp luật. Sau khi các Hợp đồng thế chấp tài sản được hai bên ký thì tài sản thế chấp tiếp tục giao cho bên thế chấp quản lý, sử dụng và bảo quản theo quy định của Hợp đồng thế chấp nói riêng và pháp luật nói chung. Quá trình giải quyết vụ án qua xem xét, thẩm định tại chỗ thì một số tài sản thế chấp không còn theo hợp đồng thế chấp, nên ngay 19/7/2024 nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đề nghị cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm đối với các tài sản không còn khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ là phù hợp quy định tại Điều 217, 219 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty cổ phần Đ là Công ty cổ phần, quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn T là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đ ông Lưu Hải N1 xác định Công ty cổ phần Đ có ký hợp đồng tín dụng, các hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh H1 và cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, thanh toán chậm tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn một phần do khách quan mạng lại là do đại dịch Covid 19, nên ông đề nghị nguyên đơn xem xét miễn lại trên dư nợ gốc bị quá hạn đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/HĐCVHM/NHCT384-DATHIEM ngày 17/7/2019, còn về số nợ gốc, lãi trong hạn đại diện theo ủy quyền của bị đơn không có ý kiến khác.

Quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm thấy cấp sơ thẩm đã đánh giá, xem xét toàn bộ nội dung vụ án. Do vậy, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần Đ. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm số 07/2024/KDTM-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 144, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 117, 274, 275, 280, 292, 293, 295, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 357, 463, 466, 468, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 3 Điều 4 của Luật thương mại.

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của V đối với quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm bao gồm: 01 máy quang phổ phát xạ; 01 trạm biến áp; 01 máy li tâm (theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/HĐTC ngày 01/6/2016 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp động sản số 02/2019/HĐBĐ/NHCT384 ngày 30/07/2019); 01 máy tuyền; 01 bộ lọc khí; 01 nồi hơi nước; 01 máy lắng quặng; 01 máy phân loại (theo hợp đồng thế chấp số 01/2018/HĐBĐ/NHCT384 ngày 09/11/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp động sản số 03/2019/HĐBĐ/NHCT384 ngày 30/07/2019).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của V về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc Công ty cổ phần Đ có nghĩa vụ trả nợ cho V số tiền tính đến ngày 09/8/2024 là: Nợ gốc: 203.766,98 USD = 5.161.621.370đ; nợ lãi trong hạn: 144.181,59 USD = 3.652.263.747đ; lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 69.330,83 USD = 1.756.219.255đ. Tổng cộng: 417.279,40 USD = 10.570.104.372đ (Mười tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, một trăm linh tư nghìn, ba trăm bảy mươi hai đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT384-DATHIEM ngày 17/07/2019 và các giấy nhận nợ được ký giữa V và Công ty cổ phần Đ.

- Trường hợp Công ty cổ phần Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho V, V có quyền: Yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là:



Về bất động sản: Toàn bộ nhà xưởng và các công trình phụ trợ trên diện tích 20.795 m<sup>2</sup> tại thôn L, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA411575, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS01248 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 29/7/2015 cho chủ sử dụng đất là Công ty cổ phần Đ, trên đất có các công trình xây dựng đã được chứng nhận quyền sở hữu gồm: Nhà điều hành; Nhà ăn tập thể + Phòng thí nghiệm; Nhà kho; 02 Xưởng kết tinh sản phẩm; Lò nung - sấy sản phẩm; Xưởng hòa tan; Xưởng tinh chế 1; Xưởng tinh chế B1; Xưởng tinh chế C1; Nhà cơ khí + kho. Các công trình phụ trợ gồm: Nhà bảo vệ; Lán xe; Hệ thống sân đường nội bộ; hệ thống tường rào.

Về động sản: Các máy móc thiết bị gồm:

+ 01 máy nghiền bi, 01 xe nâng, 03 máy bơm li tâm công suất lần lượt là 3W, 7.5W và 1.5W, 01 máy li tâm, 01 máy phân tích cỡ hạt nano, 01 máy nén khí, 03 lò nung (Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2018/HĐBĐ/NHCT384 ngày 09/11/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp động sản số 03/2019/HĐBĐ/NHCT384 ngày 30/07/2019).

+ 01 lò nung, 01 máy quang phổ phát xạ, 03 trạm biến áp, 01 bình trộn hóa chất, 04 bơm ly tâm, 01 bồn chứa, 03 bồn FRP, 03 hệ thống lọc nước, 01 hệ thống máy lọc nước, 01 máy lạnh quặng chân không, 01 hệ thống lọc nước + khí, 01 nồi hơi, 01 bình chứa axit, 01 thiết bị lọc nước công nghiệp, 01 bồn tháp rửa khí, 01 máy quang phổ phát xạ IPC, 01 xe ô tô 16 chỗ biển kiểm soát 90B-001.50 (Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2016/HĐTC ngày 01/06/2016 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp động sản số 02/2019/HĐBĐ/NHCT384 ngày 30/07/2019).

### 3. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần Đ phải chịu là 118.570.104đ (Một trăm mười tám triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, một trăm linh bốn đồng).

Trả lại V số tiền 58.946.000đ (năm mươi tám triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000341 ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty cổ phần Đ phải chịu 2.000.000đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí Công ty đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000454 ngày 04/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Công ty đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSDN tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố Phủ Lý;
- VKSDN thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Sơn**